

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày: 10-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khoàng Văn Sơn

2. Ông Thùng Văn Quân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/HSST-QĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Ma Thị H, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1965 tại huyện S, tỉnh Lào Cai; Nơi thường trú: Bản G, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số Căn cước công dân: 011165001088, cấp ngày 28/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; Con ông Ma Seo T1, đã chết và bà Giàng Thị T2, đã chết; Bị cáo có chồng là Giàng A S1 và 06 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2024 đến nay, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Giàng Thị Nhung, sinh năm 1987, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Nậm Pồ; Người đại diện theo pháp luật: Ông Sùng A L, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Kh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sùng Văn S2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Kh (Văn bản số

135/QĐ-UBND, ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã Kh), vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Cộng đồng dân cư bản G, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên; Người đại diện theo pháp luật: Ông Giàng A D, sinh năm 1996; địa chỉ: bản G, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Ông Giàng A S1, sinh năm 1959; ông Giàng A X, sinh năm 1991; ông Giàng A V, sinh năm 1994; ông Giàng A L2, sinh năm 1993; bà Sùng Thị M, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: Bản G, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên đều có mặt.

Ông Chảo A Kh – Kiểm lâm viên, vắng mặt; ông Quàng Văn T3 - Kiểm lâm viên, vắng mặt; Nơi công tác: Hạt kiểm lâm huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Bà Vàng Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản R 3, xã R, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có đất canh tác nên vào khoảng giữa tháng 8/2023 (bị cáo không nhớ rõ ngày), bị cáo Ma Thị H đã sử dụng 01 con dao quắm, một mình chặt phá toàn bộ độ che phủ của nhiều loại cây khác nhau, tại khu vực rừng tự nhiên thuộc bản G, xã Kh, huyện N liên tục trong 04 ngày. Sau đó, H dừng lại, đợi cây khô sẽ đốt để lấy đất trồng cây quế. Đến ngày 17/9/2023, trong quá trình tuần tra tại khu vực rừng thuộc bản G, xã Kh, huyện N, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã Kh và Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã phát hiện đám rừng bị chặt phá có diện tích lớn. Qua xác minh, ngoài Ma Thị H chặt phá khu vực rừng này, còn có các con trai và con dâu của H là Giàng A V, Giàng A L2, Giàng A X và Sùng Thị M cũng thực hiện hành vi chặt phá rừng tại khu vực bản G, xã Kh. Cùng ngày 17/9/2023, Ủy ban nhân dân xã Kh đã ra Quyết định số 125/QĐ-UBND, ngày 17/9/2023 về việc đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật và báo cáo Hạt kiểm lâm huyện N.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/9/2023 (có bản ảnh và thống kê kèm theo) đã xác định tổng diện tích cây rừng bị chặt phá là 18.318,78 m², trong đó:

- Diện tích rừng mà Ma Thị H chặt phá là 6.726,56 m².
- Diện tích rừng mà Giàng A L2 chặt phá là 2.710,16 m².
- Diện tích rừng mà Giàng A X chặt phá là 2.972,82 m².
- Diện tích rừng Giàng A V chặt phá là 2.955,93 m².
- Diện tích rừng mà Sùng Thị M chặt phá là 2.953,31 m².

Trong tổng diện tích rừng bị Ma Thị H chặt phá là 6.726,56 m² (sáu nghìn bảy trăm hai mươi sáu phẩy năm mươi sáu mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm V đến nhóm VIII chủ yếu là Ba soi, có chiều cao vút ngọn trung bình là 7,65 m, đường kính trung

bình là 8,50 cm. Tổng khối lượng gỗ tròn bị chặt phá là 3,7 m³, khối lượng củi tận thu là 3,085 m³.

Tại Kết luận Giám định số 57/KL-GĐ, ngày 30/8/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã xác định: Vị trí diện tích 6.726,56 m² có cây gỗ tự nhiên bị Ma Thị Hồ chặt phá thuộc tiểu khu 490B, khoảnh 1 là rừng sản xuất, trạng thái Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản G, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, có 5.975,31 m² đã được giao cho Cộng đồng dân cư bản G, xã Kh quản lý, bảo vệ theo Quyết định số 1920/QĐ-UBND, ngày 25/8/2016 và được điều chỉnh theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên; còn lại 751,25 m² chưa giao, chưa cho thuê, do Ủy ban nhân dân xã Kh quản lý theo khoản 3 Điều 102 Luật Lâm nghiệp.

Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, ngày 08/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, xác định giá trị thiệt hại về lâm sản là đối với diện tích rừng mà Ma Thị H chặt phá là 6.012.750 đồng, doanh thu từ dịch vụ bảo vệ môi trường rừng là 607.902 đồng, tổng giá trị thiệt hại do Ma Thị H gây ra là 6.620.652 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSNP ngày 07/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Ma Thị H về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Ma Thị H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo Ma Thị H đã giao nộp vật chứng là 01 con dao quắm dài 90 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40 cm, cán dao bằng gỗ dài 50 cm, đường kính cán dao 03 cm.

Quá trình điều tra, và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Giàng A V, Giàng A L2, Giàng A X, Sùng Thị M và Giàng A S1 có lời khai như sau: Giàng A V, Giàng A L2, Giàng A X là các con trai của bị cáo Ma Thị H, còn Sùng Thị M là con dâu của bị cáo Ma Thị H. Vào năm 1994 bị cáo Ma Thị H và chồng là ông Giàng A S1 có chặt diện tích rừng để làm nương tại bản G, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên, đến năm 2016 thì vợ chồng bị cáo chia cho gia đình của 04 con trai và vợ chồng bị cáo để canh tác, đến năm 2019 thì tất cả đều bỏ hoang. Vào tháng 8/2023, sau khi thấy khu vực rừng của bị cáo Ma Thị H bị chặt phá, thì V, L2, X, M mỗi người sử dụng 01 con dao quắm, đến chặt phá trên diện tích đất rừng đã được vợ chồng bị cáo Hồ phân chia từ năm 2016. Tuy nhiên, V, L2, X và M đều không xin phép chính quyền địa phương mà tự ý chặt phá rừng, mỗi người tự chặt phá rừng trên diện tích đã được ông S1 chia cho từ năm 2016, không có sự bàn bạc, thỏa thuận với nhau. Khi những người này thực hiện hành vi chặt phá rừng, thì bị cáo Ma Thị H đã chặt phá xong, nên không biết bị cáo Hồ chặt phá rừng khi nào. Đối với ông

Giàng A S1 là chồng bị cáo Ma Thị H khai do đã già yếu và bị đau chân nên không biết, không tham gia chặt phá rừng cùng với bị cáo Hồ hay các con của ông S1. Quá trình điều tra, Giàng A V, Giàng A L2, Giàng A X và Sùng Thị M đã tự giác giao nộp 04 con dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ cho Hạt Kiểm lâm huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự là UBND xã Kh vắng mặt nhưng quá trình điều tra có ý kiến như sau: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Ma Thị H là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Tại phiên tòa, đại diện của Cộng đồng dân cư bản G, xã Kh vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra có ý kiến: Cộng đồng dân cư bản G được Ủy ban nhân dân huyện N giao đất, giao rừng theo các Quyết định số 1920/QĐ-UBND, ngày 25/8/2016 và được điều chỉnh theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N, trong đó có tiểu khu 490B, khoảnh 1 là rừng sản xuất. Hàng năm các hộ dân cư của bản G đều được tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng và được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

Quá trình điều tra, ông Chảo A Kh và ông Quàng Văn T3 có ý kiến: Ông Kh và ông T3 là Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã Kh, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Kh và ông T3 đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tuy nhiên do người dân thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên đã có hành vi hủy hoại rừng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Ma Thị H về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 90 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40 cm, cán dao bằng gỗ dài 50 cm, đường kính cán dao 03 cm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước, xác nhận bị cáo đã bồi thường xong. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh, nhân thân và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Ma Thị H nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ma Thị H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng giữa tháng 8 năm 2023, bị cáo Ma Thị H một mình sử dụng 01 con dao quảm phát trắng toàn bộ diện tích 6.726,56 m² rừng tự nhiên trong 04 ngày liên tục. Vị trí rừng bị H chặt phá là tiểu khu 490B, khoảnh 1 là rừng sản xuất, trạng thái Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản G, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên, trong đó có 5.975,31 m² do cộng đồng dân cư bản G, xã Kh quản lý, bảo vệ theo Quyết định số 1920/QĐ-UBND, ngày 25/8/2016 và được điều chỉnh theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên; còn lại 751,25 m² chưa giao, chưa cho thuê, do Ủy ban nhân dân xã Kh quản lý theo khoản 3 Điều 102 Luật Lâm nghiệp. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất làm nương, gây thiệt hại về rừng là 6.620.652 đồng (sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng), mức độ thiệt hại 100%. Lời khai về hành vi hủy hoại rừng của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản làm việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ma Thị H phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²); ...”

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Ma Thị H là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết tiếng Việt, không biết chữ, không hiểu biết pháp luật, vì muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng tại giai đoạn truy tố, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng với số tiền là 6.620.652 đồng cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm, với tổng chiều dài 90 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40 cm, cán dao bằng gỗ dài 50 cm, đường kính cán dao 03 cm là công cụ chặt phá rừng.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao Ủy ban nhân dân xã Kh quản lý, do các cây gỗ đã mục nát, không còn giá trị sử dụng, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 04 con dao quắm do Giàng A L2, Giàng A V, Giàng A X và Sùng Thị M giao nộp, đã được xử lý tại các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 347/QĐ-XPVPHC, 348/QĐ-XPVPHC, 349/QĐ-XPVPHC, 363/QĐ-XPVPHC ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện N, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã Kh, người đại diện hợp pháp có đơn xin xét xử vắng mặt, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Giàng A L2, Giàng A V, Giàng A X và Sùng Thị M, quá trình điều tra và tại phiên tòa những người này khai nhận: Khoảng tháng 8/2023 thì L2, V, X và M thấy khu vực rừng mà bị cáo Ma Thị H đã chặt phá nên cũng đã tự ý lên khu vực rừng đã được vợ chồng bị cáo Ma Thị H chia trước đó để chặt phá làm nương. Giàng A L2, Giàng A V, Giàng A X và Sùng Thị M đều không xin phép cá nhân, cơ quan có thẩm quyền mà tự ý chặt phá. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác định hành vi của L2, V, X và M là độc lập với nhau, có diện tích chặt phá dưới 5.000 m², không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên đã chuyển hồ sơ cùng vật chứng tới Hạt Kiểm lâm huyện N tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 12/3/2024 Ủy ban nhân dân huyện N đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 347/QĐ-XPVPHC, 348/QĐ-XPVPHC, 349/QĐ-XPVPHC, 363/QĐ-XPVPHC đối với hành vi phá rừng trái pháp luật của Giàng A L2, Giàng A V, Giàng A X và Sùng Thị M, do đó Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trong vụ án này.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Giàng A S1, quá trình điều tra và tại phiên tòa ông S1 khai nhận: Nguồn gốc khu vực rừng mà bị cáo Ma Thị H và các con trai, con dâu ông S1 chặt phá là do vợ chồng ông đã chặt phá rừng khai hoang vào năm 1994, đến năm 2016 ông đã chia cho vợ chồng ông và các con mỗi người một phần để canh tác, đến năm 2019 thì bỏ hoang. Ông S1 khai không biết khu vực nương cũ đã là rừng, cũng không biết hành vi chặt phá rừng của bị cáo Ma Thị H và của Giàng A L2, Giàng A V, Giàng A X và Sùng Thị M, do ông bị đau chân không đi lại được. Do đó, Viện kiểm sát không đề nghị xử lý đối với Giàng A S1, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trách nhiệm.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 6.620.652 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền này, nên đã thi hành xong.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã Kh, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ma Thị H phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ma Thị H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày vào trại chấp hành án.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Ma Thị H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 6.620.652 đồng, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 6.620.652 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0001307, ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, bị cáo đã bồi thường xong.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm có tổng chiều dài 90 cm, cán dao làm bằng gỗ có chiều dài 50 cm, đường kính 3 cm, cán đã cũ, nứt nẻ và lưỡi dao bằng thép có chiều dài 40 cm, chiều rộng lưỡi dao nhỏ nhất 04 cm, chiều rộng lưỡi dao lớn nhất 7 cm, dao cũ, đã han gỉ.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ma Thị H.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/5/2024; trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao